TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **17**/2020/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 13 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2020/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh **Đỗ Thanh B**, sinh năm 1970; Giấy chứng minh nhân dân số: 019070000020 ngày cấp: 05/6/2014 tại Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư và chị **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1975; Giấy chứng minh nhân dân số: 019175000037 ngày cấp: 05/6/2014 tại Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.

Cùng đăng ký hộ khẩu và cư trú: P1203 chung cư B khu nhà ở số 6 Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Thanh H và anh Đỗ Thanh B là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 54; Quyển số 01 ngày 08 tháng 5 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trần Thị Thanh H** và anh **Đỗ Thanh B** thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Đỗ Ngọc L**, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2005 và cháu **Đỗ Tuấn K**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2008. Giao anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và giao chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Trần Thị Thanh H và anh Đỗ Thanh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đỗ Thanh B tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số **24105** ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường Q, thành phố T, tỉnh T;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long